

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 7 - HỌC KỲ II

A. HỆ THỐNG KIẾN THỨC

I. Phần Văn Bản:

1. Các văn bản nghị luận hiện đại:

S T T	Tên bài- Tác giả	Đề tài nghị luận	Luận điểm	Phương pháp lập luận	Nghệ thuật	Nội dung	Ý nghĩa văn bản
1	<i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh)</i>	Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam.	Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.	Chứng minh	Luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng toàn diện, tiêu biểu, thuyết phục. Bài văn là một mẫu mực về lập luận, bố cục, cách dẫn chứng của thể văn nghị luận.	Bài văn đã làm sáng tỏ chân lí: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta”.	Truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước.
2	<i>Đức tính giản dị của Bác Hồ (Phạm Văn Đồng)</i>	Đức tính giản dị của Bác Hồ.	Bác giản dị trong mọi phương diện: bữa cơm (ăn), cái nhà (ở), lối sống, cách nói, viết. Sự giản dị ấy đi liền với sự phong phú rộng lớn về đời sống tinh thần ở Bác.	Chứng minh (kết hợp với giải thích và bình luận)	Dẫn chứng cụ thể, xác thực, toàn diện, kết hợp chứng minh, giải thích, bình luận. Lời văn giản dị, giàu cảm xúc.	Giản dị là đức tính nổi bật ở Bác Hồ: giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong lời nói và bài viết. Ở Bác, sự giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹp.	Ca ngợi phẩm chất cao đẹp, đức tính giản dị của chủ tịch Hồ Chí Minh. Bài học về việc học tập, rèn luyện noi theo tấm gương của chủ tịch Hồ Chí Minh.
3	<i>Ý nghĩa văn chương (Hoài Thanh)</i>	Văn chương và ý nghĩa của nó đối với con người.	Nguồn gốc của văn chương là ở tình thương người, thương muôn loài, muôn vật. Văn chương hình dung và sáng tạo ra sự sống, nuôi dưỡng và làm giàu cho tình cảm con người.	Giải thích (kết hợp với bình luận)	-Luận điểm rõ ràng, lập luận chứng minh bạch, đầy sức thuyết phục -Diễn đạt bằng lời văn giản dị, giàu hình ảnh, cảm xúc.	Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha. Văn chương là hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng và sáng tạo ra sự sống, gây những tình cảm không có, luyện những tình cảm sẵn có. Đời sống tinh thần của nhân loại nếu thiếu văn chương thì sẽ rất nghèo nàn.	Văn bản thể hiện quan niệm sâu sắc của nhà văn về văn chương.

2. Các truyện hiện đại:

TT	Tên bài	Tác giả	Nội dung	Nghệ thuật	Ý nghĩa văn bản
1	Sống chết mặc bay	Phạm Duy Tốn	<p>Giá trị hiện thực: Phản ánh sự đối lập hoàn toàn giữa cuộc sống và sinh mạng của nhân dân với cuộc sống của bọn quan lại mà kẻ đứng đầu là tên quan phủ “lòng lang dạ thú”.</p> <p>Giá trị nhân đạo :</p> <p>+ Thể hiện niềm thương cảm của tác giả trước cuộc sống làm than cơ cực của nhân dân do thiên tai</p> <p>+ Lên án thái độ vô trách nhiệm của bọn cầm quyền trước tình cảnh, cuộc sống “nghìn sầu muôn thảm” của nhân dân.</p>	<p>- Kết hợp thành công hai phép nghệ thuật tương phản và tăng cấp.</p> <p>- Lựa chọn ngôi kể khách quan</p> <p>- Ngôn ngữ kể, tả ngắn gọn</p> <p>khắc họa chân dung nhân vật sinh động</p>	<p>Phê phán, tố cáo thói bàng quan vô trách nhiệm của tên quan phụ mẫu; đồng cảm, xót xa với tình cảnh thảm của nhân dân lao động do thiên tai và thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên.</p>

3. Văn học dân gian: Tục ngữ:

Khái niệm	Chủ đề	Nội dung	Nghệ thuật
<p>Những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội), được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hằng ngày.</p>	<p>Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất</p>	<p>Truyền đạt những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên, lao động sản xuất.</p>	<p>- Ngắn gọn, hàm súc, giàu hình ảnh, lập luận chặt chẽ</p> <p>- Thường gieo vần lưng</p> <p>- Các vẻ đối xứng nhau</p>
	<p>Tục ngữ về con người và xã hội</p>	<p>Tôn vinh giá trị con người, đưa ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất và lối sống mà con người cần phải có.</p>	<p>Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đúc.</p> <p>Sử dụng các phép so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, đối, ...</p> <p>Tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.</p>

❖ Yêu cầu:

- Nhận biết tác giả, tác phẩm, thể loại của các văn bản; hiểu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của các văn bản.
- Nêu được khái niệm tục ngữ; thuộc lòng và nội dung, nghệ thuật từng câu tục ngữ theo các chủ đề: tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất; tục ngữ về con người và xã hội.

II. Phần Tiếng Việt:

Rút gọn câu	<p>- Khi nói hoặc viết, có thể lược bỏ một số thành phần của câu, tạo thành câu rút gọn.</p> <p>- Việc lược bỏ một số thành phần câu thường nhằm những mục đích sau:</p> <p>+ Làm cho câu gọn hơn vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước.</p> <p>+ Ngụ ý hoạt động đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người (lược bỏ CN)</p> <p>- Cách dùng câu rút gọn. Khi rút gọn câu cần chú ý:</p> <p>+ Không làm cho người nghe, người đọc hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói.</p> <p>+ Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã.</p>
Câu đặc biệt	<p>- Câu đặc biệt là loại câu không câu tạo theo mô hình CN-VN.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến trong câu;</p> <p>+ Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng;</p> <p>+ Bộc lộ cảm xúc;</p> <p>+ Gọi đáp.</p>
Câu chủ động	<p>Câu chủ động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hoạt động).</p>

Câu bị động	Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của con người, vật khác hướng vào (chỉ đối tượng của hoạt động).
Thêm trạng ngữ cho câu	<ul style="list-style-type: none"> - Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu. - Về hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu. + Giữa TN với CN và VN thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết. - Công dụng của trạng ngữ: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác. + Nối kết các câu, các đoạn với nhau góp phần làm cho đoạn văn, bài văn mạch lạc. - Tách trạng ngữ thành câu riêng: Trong một số trường hợp, để nhấn mạnh ý, chuyển ý hoặc những tình huống, cảm xúc nhất định, người ta có thể tách TN, đặc biệt là TN đứng ở cuối câu, thành những câu riêng.
Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu	<ul style="list-style-type: none"> - Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm C-V, làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu. - Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm C-V.
Phép liệt kê	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm. - Các kiểu liệt kê: <ul style="list-style-type: none"> + Xét theo cấu tạo, có thể phân biệt kiểu liệt kê theo từng cặp với kiểu liệt kê không theo từng cặp. + Xét theo ý nghĩa, có thể phân biệt kiểu liệt kê tăng tiến với liệt kê không tăng tiến.

❖ Yêu cầu

1. *Nắm được khái niệm, công dụng của các kiểu câu (câu rút gọn, câu chủ động, câu bị động, câu đặc biệt, dùng cụm chủ-vị để mở rộng câu, thêm trạng ngữ cho câu); nhận biết và vận dụng các kiểu câu trong viết câu, viết đoạn.*

2. *Nắm được khái niệm phép liệt kê, các kiểu liệt kê.*

III. Phần Tập Làm Văn:

1. Phương thức nghị luận:

- Ôn kĩ phương thức lập luận giải thích.

- Chủ đề: Tương thân tương ái, lòng biết ơn, tình cảm gia đình, môi trường,...

❖ Các bước làm bài văn lập luận giải thích: 4 bước

+ Tìm hiểu đề và tìm ý.

+ Lập dàn bài.

+ Viết bài

+ Đọc và sửa bài.

❖ Dàn bài chung cho bài văn lập luận giải thích:

- **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần giải thích và nêu câu trích dẫn (nếu có).

- **Thân bài:** Vận dụng lí lẽ, dẫn chứng lần lượt giải các luận điểm.

 Luận điểm 1: Giải thích khái niệm/ ý nghĩa của vấn đề

 Luận điểm 2: Giải thích nguyên nhân vấn đề.

 Luận điểm 3: Bài học rút ra từ vấn đề đó.

- **Kết bài:** Khẳng định giá trị của vấn đề nghị luận.

❖ Yêu cầu: **Nắm được**

1. *Các bước làm bài văn lập luận giải thích.*

2. Dàn bài bài văn lập luận giải thích.

(Chú ý hệ thống câu hỏi lập luận trong văn giải thích: **Như thế nào? Tại sao? Lờì khuyên gì?**)

B. BÀI TẬP

I. Phần Văn

1. Kể tên và tóm tắt các truyện hiện đại (kèm tên tác giả) đã học? Nêu ý nghĩa của văn bản đó?
2. Nêu tên văn bản, tác giả, phương thức lập luận và luận điểm chính của các văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 7?
3. Thế nào là tục ngữ? Chép thuộc lòng một câu tục ngữ về chủ đề thiên nhiên - lao động sản xuất và một câu tục ngữ về con người và xã hội? Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ ấy? Tìm câu tục ngữ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với câu tục ngữ đó?

II. Phần Tiếng Việt:

1. Thế nào là câu rút gọn? Thế nào là câu chủ động (câu bị động)? Thế nào là phép liệt kê?
2. Chuyển câu sau đây thành câu bị động (theo hai cách).
 - a. Con người đã huỷ diệt các loài sinh vật biển quý hiếm.
 - b. Các nhà máy thải khí độc làm ô nhiễm môi trường sống.
 - c. Ban giám hiệu nhà trường biểu dương toàn chi đội lớp 7A.
 - d. Chúng em thực hiện nội quy nhà trường rất nghiêm túc.
3. Xác định câu đặc biệt, câu rút gọn, câu bị động, câu mở rộng và thành phần phụ trạng ngữ trong đoạn văn sau. Nêu công dụng của mỗi loại câu và trạng ngữ?
 - a. *Những năm tháng xa quê. Giông tố cuộc đời tưởng chừng như cuốn bay đi tất cả, nhưng trong tâm tư tôi những dòng sông quê mênh mông vẫn cuộn cuộn chảy, những dòng kinh biêng biếc vẫn lặng lẽ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mịt khói rạ, thơm vị mía lùi và trắng xoá sương mù sau Tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thẳm thẳm canh khuya. Yêu ánh nắng chiều tà trải màu vàng tái trên rẫy khoai mì, nghiêng nghiêng bên triền núi.* (Mai Văn Tạo)
 - b. *Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.* (Hồ Chí Minh)
 - c. *Trăng lên. Gió mơn man dịu dịu. Dòng sông trắng gợn sóng. Con thuyền bồng bênh. Đêm. Nằm trên dòng Hương Giang thơ mộng để nghe ca Huế, với tâm trạng chờ đợi rộn lòng.* (Hà Anh Minh)
 - d. *Sóng âm âm đập vào những tảng đá lớn ven bờ. Gió biển thổi lồng lộng. Ngoài kia là ánh đèn sáng rọi của một con tàu. Một hồi còi.* (Nguyễn Hữu Tri Huân)
 - e. *...VẬY mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể phải xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.* (Khánh Hoài)
 - g. *Tháng mười hai. Đã quỳ nở rộ. Tôi mê mẩn ngắm những giậu hoa nở vàng rực ven đường. Mê mẩn nghe hương nồng hăng hắc bao trùm cả không gian, ôm ấp những dãy đồi. Cái lạnh se sắt của trời đông xir lạnh dường như cũng nép mình trước những tràng hoa.* (Nhật Lạc Lâm - Đông Quỳ)
4. Tìm và nêu công dụng của phép liệt kê có trong đoạn trích sau :
 - a. [...] Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.
 - b. ...Hò Huế thể hiện lòng khao khát, nỗi mong chờ hoài vọng thiết tha của tâm hồn Huế. Ngoài ra còn các điệu lí như: Lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam.

c. Không gian như lắng đọng. Thời gian như ngừng lại. Con gái Huế nội tâm thật phong phú và âm thầm, kín đáo, sâu thẳm.

5. Phân tích cấu tạo các câu sau, chỉ ra cụm C-V mở rộng câu và mở rộng thành phần nào?

a. Mẹ về là một tin vui.

b. Tôi rất thích quyển truyện bố tặng tôi nhân dịp sinh nhật.

c. Chúng tôi đã làm xong bài tập mà thầy giáo cho về nhà.

d. Mùa xuân đến làm cho mọi vật có thêm sức sống mới.

III. Phần TLV: Lập dàn ý chi tiết cho các đề bài thuộc các chủ đề sau

❖ Một số chủ đề: **tương thân tương ái, lòng biết ơn, gia đình, đạo đức:**

- Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

- Thương người như thể thương thân.

- Lá lành đùm lá rách.

- Uống nước nhớ nguồn.

- Nhiều điều phù lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

- Anh em như thể tay chân,

Rách lành đùm bọc đỡ hay đỡ đần.

- Đói cho sạch, rách cho thơm.

- Chị ngã, em nâng.

❖ Một số dàn bài giải thích gợi ý theo các chủ đề trên:

Chủ đề: Lòng biết ơn (Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây)

- **Mở bài:** giới thiệu vấn đề cần giải thích với ý nghĩa là lòng biết ơn./Trích dẫn câu tục ngữ

- **Thân bài:** Vận dụng lí lẽ dẫn chứng lần lượt giải thích các luận điểm

Luận điểm 1: Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ (nghĩa đen và nghĩa bóng)

Luận điểm 2: Giải thích tại sao ta phải nhớ ơn? (Lấy dẫn chứng trong thực tế cuộc sống những thành quả mà cha ông tạo ra để con cháu đời sau hưởng thụ ở nhiều lĩnh vực: từ của cải vật chất, thành tựu văn hóa nghệ thuật, sự hi sinh xương máu để giành độc lập,...)

Luận điểm 3: Thể hiện lòng biết ơn như thế nào? (Liên hệ mọi người nói chung và bản thân em nói riêng)

- **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa câu tục ngữ.

Chủ đề tương thân tương ái: (Lá lành đùm lá rách, Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn;Thương người như thể thương thân.)

-**Mở bài:** giới thiệu vấn đề cần giải thích với ý nghĩa là sự yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau./ Trích dẫn câu tục ngữ hoặc ca dao.

-**Thân bài:** Vận dụng lí lẽ dẫn chứng lần lượt giải thích các luận điểm

Luận điểm 1: Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ, ca dao (nghĩa đen và nghĩa bóng)

Luận điểm 2: Giải thích tại sao ta phải yêu thương, giúp đỡ nhau

+ Là người trong xã hội, không ai sống lẻ loi, đơn độc được mà phải tập hợp thành đoàn thể, cộng đồng (lấy dẫn chứng cụ thể trong gia đình, xã hội,...)

+ Nhờ có sự tương thân, tương ái, yêu thương giúp đỡ nhau mà những người gặp khó khăn hoạn nạn trong cuộc sống được giúp đỡ và vượt qua khỏi cuộc sống khó khăn (dẫn chứng)

Luận điểm 3: Thực hiện tinh thần tương thân tương ái như thế nào

Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa vấn đề.